

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS - ST
Ngày 20/7/2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mai Loan

2. Ông Hồ Văn Sao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST – DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số 210 đường Trần Quang K, phường Tràng T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Doãn S, sinh ngày 01/3/1967 – Tổng giám đốc. Hộ khẩu thường trú: Số 40 ngõ 106, tổ 12, phường Quan H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T, sinh 13/01/1975 - Giám đốc Ngân hàng B-CNH; địa chỉ cư trú: số 10 Nguyễn Duy L, phường Phú B, thị xã Hương Th, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người được ông Nguyễn Anh T ủy quyền lại:

+ Ông Ngô Xuân D, sinh ngày 16/9/1979 - Giám đốc Phòng giao dịch A L; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố b, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Tú B, sinh năm 1978; Phó giám đốc kiêm trưởng phòng hỗ trợ hoạt động Ngân Hàng TMCP B-CNH. (vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Quảng T, xã Sơn Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Đào Viết L, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Quảng T, xã Sơn Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giả quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/6/2017 bà Lê Thị Thanh T và ông Đào Viết L ký hợp đồng tín dụng số HĐTD473201727 với Ngân hàng TMCP B tại Phòng giao dịch huyện A L để vay 300.000.000đ; mục đích vay sửa chữa nhà ở; thời hạn vay 48 tháng, tính từ ngày 21/6/2017; lãi suất cho vay 9,9%/năm, cố định 6 tháng đầu tiên kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay này được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày (X%/năm) và được dùng để tính lãi tiền vay trả cho ngân hàng theo quy định hợp đồng. Khi đó mức lãi suất quy đổi theo tỷ lệ %/năm trên cơ sở một năm 365 ngày (Y%/năm) được tính theo nguyên tắc: $Y\%/năm = (X\%:360) \times 365$, mức lãi suất quy đổi là 10.04%/năm. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức thả nổi, theo đó:

Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 10 và ngày thay đổi đầu tiên là ngày 20/12/2017. Theo đó lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: $LS_{CV} = LS_{TK\ 13\ tháng} + Margin$.

- LS_{CV} : là lãi suất cho vay áp dụng với khách hàng.
- $LS_{TK\ 13\ tháng}$ là lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của Ngân hàng B dành cho khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.
- Margin: Là biên độ lãi suất cho vay/ chiết khấu/đầu tư TPDN đối với khách hàng.

Trả nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế. Cho vay theo hình thức không có tài sản đảm bảo.

Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 21/5/2019 Bà Lê Thị Thanh T ký thêm một hợp đồng tín dụng (Áp dụng đối với sản phẩm thấu chi siêu nhanh) số: HĐTD4732019185 với Ngân hàng TMCP B tại Phòng giao dịch huyện A Lưới để vay 20.000.000đ. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng từ ngày 22/5/2019 đến ngày 21/5/2020. Lãi suất thấu chi 14.5%/năm cố định trong 3 tháng đầu. Phương thức áp dụng lãi suất thấu chi: Tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc thực tế và thời gian vay thực tế. Phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào ngày 10 và ngày thay đổi đầu tiên là ngày 10/8/2019. Theo đó, lãi suất thấu chi tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: $LS_{cv} = LS_{Tk13\text{ tháng}} + \text{Margin}$. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Hình thức cho vay không có tài sản đảm bảo.

Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu bà Tâm trả nợ đúng hạn nhưng đến tháng 02/2020 trả nợ gốc và lãi không đúng hạn, sau đó là không trả. Ngân hàng làm việc trực tiếp nhiều lần, đã đôn đốc kéo dài thời gian để tạo điều kiện cho bên vay vốn có thời gian thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, nhưng bên vay vốn vẫn không thanh toán được khoản nợ vay Ngân hàng. Ngày 31/10/2020 Ngân hàng làm đơn khởi kiện, số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2020 là 115.123.286đ. Trong đó gốc 108.175.763đ, lãi 4.843.719đ và lãi chậm trả 2.103.804đ.

Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, bên vay vốn đã trả cho Ngân hàng nhiều lần, tiền gốc và lãi vào các thời điểm: Ngày 04/12/2020 trả 12.000.000đ, ngày 19/02/2021 là 5.000.000đ, ngày 22/4/2021 là 6.500.000đ và ngày 14/6/2021 là 6.245.000đ. Tổng số tiền 29.745.000đ (thu gốc 27.009.183đ, lãi 2.465.817đ) được trừ vào tiền gốc và lãi hai hợp đồng vay.

Tính đến ngày 21/6/2021, hợp đồng HĐTD473201727, ngày 20/6/2017 bà Lê Thị Thanh T và người đồng chịu trách nhiệm với người vay là anh Đào Viết L còn nợ gốc quá hạn 66.860.548đ, lãi quá hạn 6.367.388đ và lãi chậm trả 8.613.896đ; Hợp đồng HĐTD4732019185, ngày 21/5/2019 gốc quá hạn 14.306.000đ, lãi quá hạn 12.219đ và lãi chậm trả 1.326đ. Tổng số tiền của hai hợp đồng là 96.161.377đ.

Tại phiên tòa ông Ngô Xuân D, người được ủy quyền lại, đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tại Phòng giao dịch huyện A L, yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị Thanh T và ông Đào Viết L phải thanh toán tiền nợ vốn, nợ lãi đến ngày 19/7/2021 số tiền là 97.262.266đ. Trong đó dư nợ gốc quá hạn là 81.166.544đ, số tiền lãi quá hạn là 6.379.607đ và lãi chậm trả là 9.716.115đ; (Hợp đồng HĐTD473201727, ngày 20/6/2017 nợ tiền gốc quá hạn 66.860.544đ, lãi quá hạn 6.367.388đ và lãi chậm trả 9.714.699đ; Hợp đồng HĐTD4732019185 nợ gốc quá hạn 14.306.000đ, lãi quá hạn 12.219đ và lãi chậm trả 1.416đ).

Do vợ chồng bà Lê Thị Thanh T đã nộp một phần tiền gốc và lãi nên số tiền yêu cầu vượt quá thực tế còn nợ thì đề nghị rút yêu cầu khởi kiện (115.123.286đ – 97.262.266đ) = 17.860.620đ.

Đối với bà Lê Thị Thanh T và ông Đào Viết L đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án số 02/TB-TLVA ngày 11/01/2021 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/4/2021 và ngày 25/6/2021 đã đối chiếu tài liệu do ngân hàng cung cấp tại phiên tòa hôm nay. Bà T và ông L công nhận còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền gốc và lãi đến ngày 19/7/2021 là 97.262.266đ, nhưng không có tiền trả đủ và đúng theo từng tháng như thỏa thuận, giao kết lúc vay đề nghị cho dẫn nợ và trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Lê Thị Thanh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đào Viết L hiện đang cư trú tại thôn Quảng T, xã Sơn Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng số HĐTD47342301727 ngày 20/6/2017 và hợp đồng HĐTD4732019185 ngày 21/5/2019 đã có chữ ký xác nhận của bà Lê Thị Thanh T và ông Đào Viết L, vay tiền về phục vụ chung trong gia đình là đủ cơ sở để nói rằng Ngân hàng TMCP B, Phòng Giao dịch A L cho vợ chồng bà Lê Thị Thanh T vay 02 hợp đồng tín dụng tổng số tiền là 320.000.000đ.

Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ vay tài sản bằng hình thức tín chấp giữa bà Lê Thị Thanh T và người cùng chịu trách nhiệm trả nợ là Đào Viết L với Ngân hàng TMCP B theo quy định tại các Điều 344, 345 và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Theo hợp đồng tín dụng số HĐTD47342301727 ngày 20/6/2017 và hợp đồng HĐTD4732019185 ngày 21/5/2019 được ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B với bà Lê Thị Thanh T thì vợ chồng bà T và ông L công nhận còn nợ của Ngân hàng TMCP B, nhưng không trả đúng hạn vi phạm thỏa thuận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần làm việc, đối chiếu công nợ, nhắc nhở trả nợ nhưng vợ chồng bà T không trả nên đã nợ quá hạn. Vì vậy vợ chồng bà Lê Thị

Thanh T đã vi phạm thỏa thuận, cam kết về nghĩa vụ trả nợ hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần B, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị Thanh T và ông Đào Viết L phải trả số tiền dư nợ đến ngày 19/7/2021 là 97.262.266đ. Trong đó dư nợ gốc quá hạn 81.166.544đ, số tiền lãi quá hạn là 6.379.607đ và lãi chậm trả 9.716.115đ và tiền lãi phát sinh tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “ Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Số tiền Ngân hàng đã rút lại yêu cầu vượt quá 17.860.620đ, do vợ chồng bà Lê Thị Thanh T đã trả trong quá trình giải quyết vụ án thì trả lại tiền tạm ứng án phí phần rút yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí nên trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[3] Về án Phí: Bà Lê Thị Thanh T và ông Đào Viết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “ Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm” và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

1. Buộc bà Lê Thị Thanh T và ông Đào Viết L phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 97.262.266đ (Chín mươi bảy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó dư nợ gốc quá hạn 81.166.544đ, số tiền lãi quá hạn là 6.379.607đ và lãi chậm trả 9.716.115đ.

2. Về án Phí: Bà Lê Thị Thanh T và ông Đào Viết L phải nộp $97.262.266đ \times 5\% = 4.863.000đ$ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần B rút lại phần khởi kiện vượt quá yêu cầu khởi kiện là 17.860.620đ nên đình chỉ số tiền kiện vượt quá mức đã được vợ chồng bà Tâm đã trả; trả lại tiền tạm ứng án phí của phần đã đình chỉ $17.860.620đ \times 2.5\% = 447.000đ$.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.705.000đ tại Biên lai số AA/2013/004377 ngày 05/01/2021 và 173.000đ tại biên lai số AA/2013/004387 ngày 11/01/2021. Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng được trả lại do không phải nộp $2.878.000đ - 447.000đ = 2.431.000đ$ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần B thì lãi suất mà vợ chồng bà Lê Thị Thanh T và ông Đào Viết L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế
- VKSND tỉnh TT Huế
- VKSND huyện A Lưới.
- Chi cục THADS huyện A L.
- Dương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

